

Số: 66/VĐTRHM-TCHCQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt đang có nhu cầu tham khảo giá để xây dựng dự toán mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ Trung tâm Kỹ thuật cao Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt của Viện. Kính mời các nhà cung cấp quan tâm, gửi thông tin báo giá theo các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 01 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Hoàng Việt Hải, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị, Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản in báo giá và các tài liệu kèm theo gửi trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư P106, tầng 1 nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 01 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16h30 ngày 06 tháng 03 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 03 năm 2025.

II. Nội dung mời báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, yêu cầu cụ thể như Phụ lục kèm theo (các đơn vị vui lòng chào giá theo đúng thứ tự danh mục và có catalog/ tài liệu kỹ thuật/ bản minh họa kèm theo, chào hàng trọn gói). Giá hàng hóa là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác liên quan.

2. Địa điểm: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 01 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.

3. Thời gian: năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Cụ thể khi thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán.

5. Các thông tin khác: Các nhà cung cấp có thể khuyến nghị cho Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt các dịch vụ đáp ứng được yêu cầu của Viện.

Hồ sơ chào giá: Báo giá theo mẫu kèm theo công văn này, hồ sơ năng lực của đơn vị báo giá (giấy phép kinh doanh, mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, hợp đồng tương tự (nếu có)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHCQT.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Kèm theo công văn số /VDTRHM-TCHCQT ngày tháng năm 2025)

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bộ kit đánh bóng composite	<ul style="list-style-type: none">- Được thiết kế theo hệ thống đĩa gắn vào trục để đánh bóng và hoàn tất miếng trám composite hoặc mài chỉnh mockup;- Đĩa đánh bóng được phủ nhám hai mặt với độ nhám và công năng theo màu sắc:<ul style="list-style-type: none">+ Màu 1: độ nhám cao, mài chỉnh hình thái;+ Màu 2: độ nhám vừa, mài chỉnh thô;+ Màu 3: độ nhám mịn, đánh bóng;+ Màu 4: độ nhám siêu mịn, đánh bóng tối đa;- Một bộ đầy đủ gồm có tối thiểu:<ul style="list-style-type: none">+ 48 đĩa chia thành 4 loại theo độ mịn khác nhau, đường kính ~ 12mm và 8mm;+ 01 mũi đánh bóng composite mịn;+ 01 trục lắp đĩa.	Bộ	1
2.	Bông cuộn ngón tay	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu: 100% bông tự nhiên, sợi bông trắng, mềm mại, không xơ, không lẫn tạp chất;- Khả năng thấm hút: Cao, giữ dịch lỏng hiệu quả, khả năng thấm hút dưới 10 giây;- Không gây kích ứng da và niêm mạc;- Đường kính: ~ 8mm - 12mm;- Chiều dài: ~ 3cm - 5cm;	Gói	3
3.	Cao su cố định lấy dấu trong Implant	<ul style="list-style-type: none">- Dùng lấy dấu phục hình cố định, lấy dấu khớp cắn...- Thành phần: chứa Bis-Acrylat;- Độ cứng, độ chính xác cao, ít co rút, đảm bảo không làm sai lệch vị trí của implant hoặc trụ phục hình;- Thời gian làm việc:<ul style="list-style-type: none">+ Thời gian thao tác: ~ 30 giây;+ Thời gian đông kết hoàn toàn: ~ 2 phút;- Không gây kích ứng mô mềm và an toàn khi sử dụng trên bệnh nhân.	Hộp	1

Handwritten signature

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
4.	Cao su lấy dấu khớp cắn	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Vinyl polysiloxane (VPS), chất xúc tác Platinum, silica; - Độ cứng cao (Shore A > 93); - Thời gian thao tác (Working Time): 30 giây; - Thời gian đông kết trong miệng (Setting Time in Mouth): 90 giây; - Tổng thời gian làm việc và đông kết: ~2 phút; - Dùng lấy dấu khớp cắn chính xác trong phục hình răng sứ, chụp, cầu răng. 	Hộp	1
5.	Cây lèn ngang đủ số	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để lèn gutta percha theo phương pháp lèn ngang; - Vật liệu: thép không gỉ; - Kích cỡ: ISO #25; - Chiều dài: ~25mm; - Cán cây lèn có các mã màu quy định theo ISO, trên cán cầm có các lỗ để buộc chỉ tránh rơi dụng cụ; - Thân cây lèn trơn ~2%, trơn nhẵn; - Có nút chặn cao su tương ứng độ dài cây lèn. 	Vi	1
6.	Composite đặc dạng tuýp các màu	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: resin tổng hợp, hạt độn nano-hybrid (Zirconia, Silica, Cluster Filler), Photoinitiator... - Độ kháng mài mòn cao; - Dễ điều khắc và đánh bóng; - Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên; - Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc; - Có các màu: màu men, màu ngà, màu tẩy trắng đắp mặt răng, màu cạnh cắn... 	Tuýp	15
7.	Composite lỏng dạng tuýp các màu	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: hệ thống chất nền (Resin Matrix): Bis-GMA, UDMA, TEGDMA, PEGDMA, hạt độn (Filler): Silica/Zirconia dạng nano với kích thước trung bình ~ 20nm; - Độ nhớt cao, độ co ngót sau trùng hợp thấp; - Có các mã màu phù hợp với màu sắc ngà răng tự nhiên và phù hợp với bảng so màu phổ biến; - Độ bóng cao và dễ đánh bóng. 	Tuýp	20
8.	Cốc nhựa dùng một lần	Cốc nhựa dùng một lần trong nha khoa	Dây	40
9.	Côn giấy các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: giấy thấm, dùng một lần để làm khô ống tủy; - Kích thước tiêu chuẩn: có các số 20, 25, 30, 35, 40 quy định theo mã màu ISO trên đuôi côn; - Độ trơn ~4%, 6%; - Trên thân côn có thể có các vạch màu đánh dấu chiều dài làm việc. 	Vi	10
10.	Côn trám bít ống tủy cho trám máy 4%, 6%	<ul style="list-style-type: none"> - Côn chính sử dụng trám bít ống tủy, có vạch màu trên đuôi côn để đánh dấu kích cỡ đường kính đầu côn; - Thành phần: Gutta-percha nguyên chất, Kẽm oxit (ZnO); - Kích cỡ: ~15.04, 15.06, 20.04, 20.06, 25.04, 25.06, 30.04, 30.06, 35.04, 35.06, 40.04, 40.06. 	Vi	6

Handwritten signature and initials

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
11.	Côn trám bít ống tủy loại F1, F2, F3	- Côn chính sử dụng trám bít ống tủy, có vạch màu trên đuôi côn để đánh dấu kích cỡ đường kính đầu côn. - Thành phần: Gutta-percha nguyên chất, Kẽm oxit (ZnO); - Kích cỡ: F1 (vàng: 20.06), F2 (đỏ: 25.06), F3 (xanh nước biển: 30.06).	Vi	10
12.	Chất lấy dấu silicon nặng	- Thành phần: Silicone trùng hợp (A-Silicone); - Độ cứng sau khi đông kết: Shore A ~ 60-70; - Thời gian làm việc bên ngoài: ~ 1 phút 30 giây - 2 phút; - Thời gian làm việc trong miệng: ~ 2 - 3 phút; - Độ ổn định kích thước cao: không co ngót, giữ nguyên chi tiết sau khi lấy dấu; - Dễ trộn và không dính tay, không gây khó chịu cho bệnh nhân.	Hộp	3
13.	Chất lấy dấu silicon nhẹ	- Thành phần: Vinyl Polysiloxane (VPS), chất xúc tác Platinum; - Độ nhớt thấp, chảy tốt vào các vùng chi tiết, độ chính xác cao; - Thời gian thao tác: ~ 1 phút 30 giây; - Thời gian đông kết trong miệng: ~ 3 phút; - Mùi không gây khó chịu, an toàn với bệnh nhân.	Hộp	3
14.	Chất nhiệt dẻo làm vành khít	- Thành phần: hợp chất nhựa tổng hợp (Resin-based material), sáp tự nhiên (Natural waxes), chất tạo màu; - Độ dẻo linh hoạt, độ ổn định, độ bám dính cao, tương thích sinh học tốt; - Dùng để tạo vành khít trên thìa lấy dấu nha khoa, hỗ trợ trong các quy trình phục hình răng giả.	Hộp	1
15.	Chất trám bít ống tủy răng sữa	- Thành phần có Calcium Hydroxide kết hợp Iodoform; - Có dạng ống tiêm để dễ đưa thuốc vào ống tủy; - Dùng trám bít ống tủy cho răng sữa, chân răng bị ngoại tiêu/nội tiêu.	Hộp	10
16.	Chỉ co lợi các số	- Thành phần: có chứa AlCl ₃ (Nhôm Clorua); - Cấu trúc sợi bền ổn định, đều đặn, không có lông tơ, không quấn vào mũi khoan; - Kích thước: 000, 00, 0, 1, 2.	Lọ	3
17.	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi các size có chứa Polyglactin	- Chỉ khâu tự tiêu, đa sợi bền, thành phần có Polyglactin, được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate; - Chất liệu thép không gỉ, mũi cắt ngược kim 3/8; - Kích cỡ: ~ 4.0, 5.0, 6.0, 7.0.	Hộp	4
18.	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đơn sợi các size có chứa Collagen tự nhiên	- Chỉ khâu tự tiêu đơn sợi, thành phần có Collagen tự nhiên; - Chất liệu thép không gỉ, mũi cắt ngược kim 3/8; - Kích cỡ: ~ 3.0, 4.0, 5.0.	Hộp	20
19.	Chỉ tơ nha khoa	- Nguyên liệu: Nylon, Pebax, Microcrystalline wax, hương bạc hà. - Độ dài: ~ 50m/cuộn.	Cuộn	6

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
20.	Chổi cước đánh bóng	- Chất liệu: Lông chổi tổng hợp hoặc tự nhiên, thân chổi bằng thép không gỉ. - Dùng đánh bóng sau lấy cao răng, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác; - Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần.	Hộp	1
21.	Chụp thép tiên chế cho răng sữa các cỡ	- Chất liệu: thép không gỉ đúc sẵn, không gây kích ứng mô mềm. - Kích thước: đủ các size tiêu chuẩn, phù hợp với răng sữa của trẻ. - Các kích thước được đánh dấu rõ ràng trên từng chụp để dễ dàng lựa chọn.	Hộp	100
22.	Dây đánh bóng mặt bên	- Dùng làm láng mịn mặt bên của miếng trám loại II; - Chất liệu: Polyester phủ hạt mài; - Mức độ nhám: thô /trung bình/mịn /siêu mịn phân loại bằng màu sắc	Hộp	1
23.	Đầu bơm Silicon	Đầu bơm chất liệu nhựa dùng để bơm silicon.	Gói	3
24.	Đầu silicon rung rửa siêu âm nội nha	- Vật liệu: silicone polyamide đàn hồi; - Có thể hấp sấy được; - Cơ chế hoạt động: rung rửa sóng âm tần số ~6000 Hz, chuyển động theo 3 chiều không gian.	Cái	5
25.	Đầu trộn Silicon	Đầu trộn chất liệu nhựa, thân ống trộn có thiết kế xoắn dài để trộn vật liệu đều hơn, tỉ lệ 1:1 hoặc 1:10.	Gói	3
26.	Guttapercha dùng cho hệ thống trám bít ống tủy bằng nhiệt	- Thành phần: gutta-percha, Oxide kẽm (Zinc Oxide), Barium Sulfate, sáp và nhựa tự nhiên... - Hình dạng: dạng thanh dùng để nạp vào bút bơm gutta nóng; - Dễ dàng làm mềm và bơm vào ống tủy khi gia nhiệt, không co ngót sau khi đông cứng; - Có khả năng cản quang tốt, giúp kiểm tra dễ dàng bằng X-quang; - Tương thích sinh học cao, an toàn cho mô răng.	Hộp	1
27.	Giấy cản hình móng ngựa	- Giấy cản hình móng ngựa, phù hợp với cả hai cung hàm; - Có thể sử dụng cho răng tự nhiên, răng sứ, mão và cầu răng, không gây kích ứng cho bệnh nhân; - Màu sắc: Đỏ/xanh; - Kích thước: ~100 μ m - 200 μ m.	Hộp	2
28.	Giấy cản thường	- Giấy cản chuyên dụng để xác định điểm tiếp xúc cản giữa hai hàm. - Có thể sử dụng cho răng tự nhiên, răng sứ, mão và cầu răng, không gây kích ứng cho bệnh nhân; - Màu sắc: Đỏ/xanh; - Kích thước: ~100 μ m - 200 μ m.	Hộp	30
29.	Kim bơm vật liệu sinh học trám bít ống tủy	- Kim bơm chuyên dụng để đưa MTA (Mineral Trioxide Aggregate) vào ống tủy trong điều trị nội nha; - Kích thước: ~18G;	Hộp	2
30.	Kim tiêm tê nha khoa 27G (0.4mm) x 21mm	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu kim vát 3 cạnh, phù hợp với hầu hết các loại bơm tiêm nha khoa tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ kép, đảm bảo vô trùng tuyệt đối trước khi sử dụng; - Kích cỡ ~ 27G (0.4mm) x 21mm.	Hộp	5

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
31.	Kim tiêm tê nha khoa 30G (0.3mm) x 10mm	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu kim vát 3 cạnh, phù hợp với hầu hết các loại bơm tiêm nha khoa tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ kép, đảm bảo vô trùng tuyệt đối trước khi sử dụng; - Kích cỡ ~ 30G (0.3mm) x 10mm.	Hộp	5
32.	Khăn lau khử khuẩn	- Thành phần: Isopropyl Alcohol (IPA) 17.2%, hợp chất Quaternary Ammonium (Quat), không chứa thuốc tẩy, không chứa chất ăn mòn; - Hiệu quả khử khuẩn cao: Loại bỏ HIV-1, HBV, HCV, MRSA, VRE, TB, và nhiều loại vi khuẩn khác trong thời gian ngắn (từ 1-3 phút); - Thiết kế khăn dày, dai, không xơ, dạng khăn ẩm, không cần pha loãng hay rửa lại bằng nước.	Hộp	5
33.	Khuôn trám kim loại	- Chất liệu: thép không gỉ; - Độ dày: mỏng ~ (0.03mm - 0.04mm), trung bình ~ (0.05mm - 0.06mm), dày ~ (0.07mm - 0.1mm); - Có thể hấp và tái sử dụng. - Hỗ trợ tạo hình thành bên trong trám răng Class II.	Gói	2
34.	Lá cảm biến khớp cắn kỹ thuật số	- Lá nhựa mỏng hình móng ngựa; - Độ dày ~ 70 micromet; - Kích thước: Size M (trung bình); - Tích hợp phần mềm T-Scan để phân tích dữ liệu chính xác; - Dùng để đánh giá lực cắn của bệnh nhân, xác định điểm tiếp xúc quá mức, hỗ trợ điều chỉnh khớp cắn trong phục hình, chỉnh nha, và phục hồi răng...	Hộp	1
35.	Lá đấm cao su các màu	- Làm bằng cao su hoặc silicon, hình vuông - Kích thước ~ 152x152mm, 125mm x 125mm - Độ dày: ~ 0.14mm hoặc 0.18mm hoặc 0.22mm	Hộp	5
36.	Lá kéo kẽ inox	- Dụng cụ kéo kẽ, điều chỉnh tiếp xúc giữa các răng trong nha khoa; - Chất liệu: Thép không gỉ, bề mặt phủ corundum galvanically; - Độ mỏng: ~ 0.1 mm; - Độ rộng: ~ 3 - 4 mm; - Chiều dài: ~ 120 mm 150 mm.	Gói	3
37.	Lưỡi dao 15C	- Chất liệu: Thép không gỉ; - Thiết kế dạng cong đặc biệt, phù hợp với các thủ thuật phẫu thuật nha chu và tạo hình mô mềm; - Dễ dàng lắp ráp với cán dao số 3, 4 hoặc cán dao phẫu thuật tiêu chuẩn.	Hộp	2
38.	Mũi đánh bóng composite	- Chất liệu: Silicon kết hợp với hạt resin; - Sử dụng với tay khoan chậm; - Hình dạng: Đĩa, nụ, dài (tùy vào vùng cần đánh bóng).	Hộp	2

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
39.	Mũi khoan kim cương các loại	- Mũi khoan phủ hạt kim cương nhân tạo dùng cho tay khoan nhanh, có thể hấp sấy được - Đầu mũi nhiều hình dạng, nhiều kích cỡ; - Độ nhám được phân biệt qua các mã màu trên thân mũi khoan: đen (rất nhám), xanh lá (nhám), xanh dương (nhám trung bình), đỏ (nhám ít), vàng (mịn).	Mũi	200
40.	Mũi khoan mở tuỷ dạng trụ đầu nhọn	- Chất liệu: Hợp kim Carbide; - Đầu tròn không cắt, lưỡi cắt nằm dọc thân mũi khoan, an toàn cho sàn tuỷ; - Có thể hấp và tái sử dụng; - Chiều dài tổng: 21mm, chiều dài cắt: 9mm.	Mũi	6
41.	Mũi khoan mở xương tay chậm	- Mũi khoan hợp kim Tungsten Carbide dành cho tay khoan chậm thẳng để mài chỉnh mô (răng, xương...); - Hình dạng: trụ, tròn..., lưỡi cắt sắc bén, có rãnh thoát nhiệt giảm ma sát, giúp ngăn ngừa tổn thương nhiệt lên mô.	Mũi	20
42.	Mũi khoan nạo ngà	- Mũi khoan thép không gỉ, đầu cắt tròn dùng cho tay khoan chậm; - Tốc độ: $\leq 800 - \geq 1200$ rpm, có thể hấp sấy được; - Dùng để nạo ngà sâu, bảo tồn ngà lành; - Chiều dài: ~ 22mm, 28mm, 34mm; - Đường kính đầu mũi khoan: khoảng + Size 1: 0.8 mm; + Size 2: 1.0 mm; + Size 3: 1.2 mm; + Size 4: 1.4 mm; + Size 5: 1.6 mm; + Size 6: 1.8 mm.	Vi	5
43.	Ống hút nước bọt	- Ống hút nước bọt sử dụng một lần; - Chất liệu nhựa, dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.	Túi	10
44.	Ống hút phẫu thuật các màu	- Ống hút phẫu thuật nhựa sử dụng một lần; - Đầu ống hút có nhiều size khác nhau phù hợp với hút trong quá trình tiểu phẫu, cấy ghép... - Gắn vừa các đầu hút phẫu thuật trên ghế máy.	Túi	20
45.	Sò đánh bóng răng	- Bột đánh bóng sau lấy cao răng, làm sạch răng, có mùi hương dễ chịu, giúp đánh bóng hiệu quả. - Thành phần : chứa ~1,23% ion fluoride, không chứa gluten, an toàn cho sức khỏe.	Hộp	1
46.	Tấm bông bôi keo dán các màu	- Cán bằng nhựa, đầu phủ sợi bông thấm dịch tốt; - Có nhiều màu (xanh dương, xanh lá cây, tím, vàng...) tương ứng nhiều kích cỡ khác nhau.	Hộp	5
47.	Túi đóng gói dụng cụ 100mmx200m	- Một mặt bóng kính: làm bằng chất Polyester chịu được nhiệt độ hấp tủy cao (180°C – 300°C), một mặt là giấy chống nhiễm khuẩn. - Kích thước ~ 100mmx200m	Cuộn	2

Handwritten signature

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
48.	Túi đóng gói dụng cụ đủ cỡ 150mmx200m	- Một mặt bóng kính: làm bằng chất Polyester chịu được nhiệt độ hấp tủy cao (180°C – 300°C), một mặt là giấy chống nhiễm khuẩn. - Kích thước ~ 150mmx200m	Cuộn	2
49.	Túi đóng gói dụng cụ đủ cỡ 200mmx200m	- Một mặt bóng kính: làm bằng chất Polyester chịu được nhiệt độ hấp tủy cao (180°C – 300°C), một mặt là giấy chống nhiễm khuẩn. - Kích thước ~ 200mmx200m	Cuộn	2
50.	Túi đóng gói dụng cụ đủ cỡ 250mmx200m	- Một mặt bóng kính: làm bằng chất Polyester chịu được nhiệt độ hấp tủy cao (180°C – 300°C), một mặt là giấy chống nhiễm khuẩn. - Kích thước ~ 250mmx200m	Cuộn	2
51.	Thạch cao đá	- Thành phần: Calcium Sulfate Hemihydrate); - Hạt mịn, độ ổn định tốt, giúp tạo mẫu chính xác; - Độ cứng cao, khả năng chống mài mòn tốt; - Thời gian đông kết tối ưu (~10–15 phút), đảm bảo thời gian thao tác phù hợp; - Độ chính xác cao, không co ngót sau khi đông cứng.	Túi	5
52.	Trâm chữa tuỷ loại H(10-40)	- Vật liệu: Hợp kim Ni-Ti, thép không gỉ; - Độ thuôn: ~2%; - Kích cỡ đầu tip ~#10- 40; - Độ dài: ~21mm, 25mm; - Thiết diện cắt ngang: hình giọt nước; - Có nút chặn cao su phù hợp với chiều dài và hình dáng trâm; - Được phân màu theo chuẩn ISO; - Đáy chuôi cầm được in số và biểu tượng để dễ nhận biết; - Mục đích sử dụng: đưa mịn thành ống tủy, góp phần mở rộng ống tủy.	Vi	10
53.	Trâm chữa tuỷ loại K(10-40)	- Chất liệu: Hợp kim Ni-Ti, thép không gỉ; - Độ thuôn: ~ 2%; - Kích cỡ đầu tip #10- 40; - Độ dài: ~ 21mm, 25mm; - Thiết diện cắt ngang: hình tam giác; - Có nút chặn cao su phù hợp với chiều dài và hình dáng trâm; - Được phân màu theo chuẩn ISO; - Đáy chuôi cầm được in số và biểu tượng để dễ nhận biết; - Mục đích sử dụng: dò đường, nong rộng ống tủy.	Vi	10

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
54.	Trâm gai điều trị tủy các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ, có thể hấp sấy được; - Trên thân trâm có các sợi gai đàn hồi, sắc bén để lấy bỏ mô tủy; - Cán cầm có các mã màu khác nhau theo cỡ (có tối thiểu 6 cỡ); - Chiều dài: ~21mm, 25mm. 	Vi	5
55.	Trâm máy điều trị nội nha trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi); - Chiều dài: ~16mm; - Độ thuận: ~4% - 8%; - Gồm 4 trâm: 17/08, 20/04, 25/04, 30/04. 	Vi	5
56.	Trâm xoay dẻo điều trị tủy	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Ni-Ti xử lý nhiệt; - Tốc độ quay: ~300- 400 vòng/phút; - Lực torque: ~1.5N; - Chiều dài: ~21mm, 25mm; - Bộ full kit gồm: 1 trâm mở rộng 1/3 trên ống tủy 25.12, 1 trâm tạo đường trượt GPS 15.03, trâm kết thúc 20.06, 25.06, 40.04. 	Hộp	5
57.	Vật liệu Calci Hydroxide đặt trong ống tủy	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Calcium Hydroxide (35%), Silica Colloidal. - Độ pH cao (~ 12.5 - 13.0); - Dạng gel lỏng mịn, dễ dàng bơm vào ống tủy; - Tương thích sinh học tốt: Không gây kích ứng mô mềm, an toàn khi tiếp xúc với mô răng.. 	Tuýp	5
58.	Vật liệu làm răng tạm	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Bis-Acryl Composite Resin, Filler, chất xúc tác polymer hóa. - Tính thẩm mỹ cao, màu sắc răng tự nhiên, ổn định, phù hợp với nhiều loại răng thật; - Dễ thao tác, dạng bơm cartridge giúp trộn nhanh, tiết kiệm thời gian; - Độ bền cơ học tốt, chịu lực nhai, chống mài mòn cao, phù hợp với răng trước và răng sau; - Thời gian đông kết nhanh, răng tạm có thể sẵn sàng trong vòng 2-3 phút sau khi lấy dấu; - Tương thích sinh học tốt, không gây kích ứng mô mềm và nướu răng. 	Hộp	1
59.	Vật liệu lấy dấu răng	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt bột mịn, dễ trộn, không vón cục; - Chứa hương thơm tự nhiên (bạc hà, dâu) giúp giảm cảm giác khó chịu cho bệnh nhân. - Thời gian làm việc: ~ 1 phút 45 giây, thời gian đông kết trong miệng ~ 1 phút 30 giây. - Độ chính xác cao, tái tạo chi tiết bề mặt sắc nét ($\leq 50\mu\text{m}$); - Dễ tháo khuôn, không gây biến dạng dấu. 	Gói	10

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
60.	Vật liệu sinh học che tủy	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Silicate tricalcium (Ca_3SiO_5), Aluminate tricalcium ($\text{Ca}_3\text{Al}_2\text{O}_6$), Oxide bismuth ($\text{Bi}_2\text{O}_3$), Dicalcium Silicate, TetraCalcium Aluminoferrite; - Thời gian đông kết nhanh hơn MTA truyền thống, giúp rút ngắn thời gian điều trị; - Tương hợp sinh học cao, kích thích hình thành mô xương và xi măng chân răng; - Không gây kích ứng mô, an toàn cho mô nướu và mô tủy còn sống. - Dùng hàn ngược chóp răng trong phẫu thuật nội nha, vá sàn tủy bị thủng, che tủy bị lộ không nhiễm trùng trong quá trình mài cùi, sửa soạn xoang trám... 	Hộp	1
61.	Vật liệu sinh học trám bít ống tủy	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Silicate Canxi (Tricalcium Silicate, Dicalcium Silicate), Oxit Nhôm, Oxit Bismuth, Oxit Sắt, Magie, hợp chất khoáng trioxide; - Độ tương thích sinh học cao, kích thích quá trình tái tạo mô cứng, khả năng kháng khuẩn tốt, cản quang tốt, độ bền cao, không co rút; - Màu sắc: Trắng/Ngà vàng; - Thời gian đông kết: ~ 3-4 giờ; - Độ pH sau khi trộn: ~12; - Dùng để trám bít ống tủy bị nhiễm trùng quanh chóp nặng, hoặc răng có ống tủy bất thường chữ C, trám bít những răng ngoại tiêu... 	Nhộng	50
62.	Vật liệu sinh học trám bít ống tủy kết hợp cùng gutta percha	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Tricalcium silicate, Dicalcium silicate, Zirconium oxide, Calcium hydroxide, Calcium phosphate monobasic, không chứa resin; - pH ban đầu: ~ 11-12; - pH ổn định sau khi đông kết: ~ 9; - Thời gian đông kết: ~ 10-15 phút sau khi tiếp xúc với môi trường ẩm. - Không co ngót, cản quang tốt. - Dùng trám bít ống tủy vĩnh viễn, kết hợp với côn gutta-percha. 	Hộp	1
63.	Vật liệu trám bít hố rãnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: nhựa composite gốc Resin, chứa fluoride giúp tăng cường tái khoáng hóa men răng; - Có khả năng thay đổi màu sắc từ hồng sang trắng sau khi quang trùng hợp. 	Tuýp	5
64.	Xi măng thuỷ tinh loại 1 trọng lượng 35g	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: + Bột: Alumino-fluoro-silicate glass; + Dung dịch: Polyacrylic Acid; - Dùng để gắn phục hình cố định như mão răng, cầu răng, inlay/onlay bằng kim loại hoặc kim loại - sứ; gắn khí cụ chỉnh nha như mắc cài, dây cung, khâu chỉnh nha, trám lót trước khi trám composite... 	Hộp	2

Handwritten signature

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
65.	Xi măng thủy tinh loại 7 trọng lượng 15g	- Thành phần: + Bột: Alumino-fluoro-silicate glass; + Dung dịch: Polyacrylic Acid; - Giải phóng fluoride gấp ~ 6 lần so với các loại sealant khác; - Dùng trám bít hố rãnh, trám trong điều kiện khó kiểm soát nước...	Hộp	3
66.	Xi măng thủy tinh loại 9 trọng lượng 15g	- Thành phần: + Bột: Alumino-fluoro-silicate glass; + Dung dịch: Polyacrylic Acid; - Dùng trám răng vĩnh viễn ở vùng răng chịu tải nhẹ và trung bình, trám phục hồi răng sữa ở trẻ em, phục hồi răng cổ bị mòn, trám các tổn thương không sâu do mài mòn hoặc chấn thương, trám lớp lót dưới các phục hồi composite....	Hộp	10
67.	Acid xoi mòn răng	- Thành phần chính: Axit phosphoric ~ 37%; - Màu sắc tương phản dễ phân biệt, dễ dàng làm sạch, đi kèm đầu bơm nhỏ dễ thao tác; - Dùng để xử lý bề mặt men răng và ngà răng trước quá trình trám – gắn phục hồi, cố định răng...	Tuýp	10
68.	Chất bôi trơn ống tủy	- Thành phần: EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid) ~ 10%, Urea Peroxide ~ 15%; - Có tác dụng bôi trơn, làm mềm các mô ngà canxi hóa, loại bỏ mủn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy trong điều trị nội nha.	Tuýp	6
69.	Chất cách ly sau hàn xi măng	- Thành phần chính: bơ ca cao tinh khiết, chất tạo màng bảo vệ;. - Dạng sệt mềm, dễ dàng bôi lên bề mặt xi măng sau khi hàn; - Không gây kích ứng, an toàn cho niêm mạc miệng và mô răng. - Có thể sử dụng cho nhiều loại xi măng khác nhau, bao gồm Glass Ionomer Cement (GIC) và Resin Cement.	Tuýp	3
70.	Chất cách ly, bảo vệ lợi	- Thành phần: methacrylate-based resin; - Màu sắc dễ nhận biết (xanh/trắng) để thuận tiện trong quá trình thao tác. - Tự cứng dưới ánh sáng đèn quang trùng hợp (Light-cure); - Không gây kích ứng, an toàn với mô mềm. - Dễ dàng loại bỏ sau khi sử dụng. - Dùng cách ly cùng với đám cao su khi điều trị nội nha, phục hình, bảo vệ mô mềm khi tẩy trắng...	Tuýp	6
71.	Chất hàn tạm	- Thành phần: kẽm oxide, vinyl acetate, thạch cao paris (plaster of paris); - Dạng bột nhào (paste-like), tự đông rắn; - Độ bám dính tốt, độ co ngót thấp;	Lọ	3

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính tương thích sinh học tốt, an toàn, không gây kích ứng mô; - Khả năng chịu lực vừa phải, dễ dàng tháo bỏ khi cần; - Không ảnh hưởng đến vật liệu phục hồi vĩnh viễn; - Dùng tạm thời trong điều trị nội nha và phục hình nha khoa, bảo vệ răng sau lấy tủy hoặc làm sạch ống tủy. 		
72.	Dung dịch bơm rửa ống tủy chứa EDTA 17%	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid) 17%; - Độ pH: ~ 8,5; - Dùng để làm mềm lớp vô hóa, loại bỏ lớp mùn ngà, giúp tạo hình và khử khuẩn trong ống tủy nhỏ hoặc bị vô hóa về phía chóp. 	Chai	1
73.	Dung dịch bơm rửa ống tủy CHX2%	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Chlorhexidine digluconate 2%; - Độ pH: ~ 5.5 - 7; - Dùng bơm rửa ống tủy, hòa tan và rửa trôi mô hữu cơ và góp phần bôi trơn ống tủy khi sửa soạn. 	Chai	2
74.	Dung dịch bơm rửa ống tủy NaOCl 5,25 %	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Natri Hypochlorite 5,25%; - Độ pH: ~ 10 - 12; - Dùng loại bỏ vi khuẩn và mô hoại tử trong hệ thống ống tủy, hòa tan mô tủy còn sót lại, giúp làm sạch trước khi trám bít ống tủy. 	Chai	2
75.	Dung dịch làm mềm guttapercha	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính: d-Limonene; - Dùng để lấy sạch vật liệu trám bít cũ trong điều trị lại nội nha, loại bỏ xi măng kẽm oxit-eugenol và các vật liệu khác khỏi ống tủy, không làm hư hại cấu trúc răng; - An toàn, không gây kích ứng mô mềm khi sử dụng. 	Lọ	1
76.	Dung dịch xịt sát khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Isopropyl Alcohol 17.20%, Ammonium Quaternary Compound, chất hoạt động bề mặt, không chứa chất ăn mòn; - Có khả năng tiêu diệt vi khuẩn, virus trong vòng 1 phút, bao gồm: MRSA, HIV, HBV, HCV, Norovirus, Influenza A, Vi khuẩn lao (TB), nấm Candida Albicans; - Thời gian tác dụng nhanh: ~ 1 phút; 	Chai	5
77.	Gel bôi tê	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Benzocaine 20%, hương vị dầu thơm nhẹ, thích hợp cho cả trẻ em và người lớn; - Tác dụng nhanh trong vòng 30–60 giây; - Dạng gel dễ dàng bôi vào vùng cần gây tê; - An toàn khi sử dụng trên niêm mạc miệng, không gây kích ứng. 	Lọ	3
78.	Gel cầm máu	<ul style="list-style-type: none"> - Gel cầm máu nha khoa, dùng trong điều trị nha chu, phẫu thuật răng miệng; - Thành phần chính: Ferric sulfate 20%; - Độ pH: ~ 1.0 - 2.0; - Thời gian tác dụng: ~ 30 giây - 2 phút. 	Hộp	1
79.	Oxy già 3%	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần có Hydrogen peroxide nồng độ 3% dùng trong y tế. 	Lọ	2

*Ấn định Danh sách có: 79 mục./.

<TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ>

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

MÃ SỐ THUẾ:

MÃ ĐỊNH DANH:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt

Căn cứ thư mời báo giá số /VDTRHM-TCHCQT ngày tháng năm 2025 của Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt;
Chúng tôi xin gửi tới Quý khách hàng báo giá các danh mục theo yêu cầu của Quý khách hàng, cụ thể như sau:

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Model/ Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước VAT (VND)	Đơn giá đã bao gồm VAT (VND)	Thành tiền đã bao gồm VAT (VND)
1									
2									
3									
	TỔNG CỘNG:								

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ 
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)